

Số: 2710/SKHĐT-TH

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 10 năm 2022

V/v báo cáo kết quả tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh của ngành Kế hoạch và Đầu tư.

Kính gửi: Sở Nội vụ

Tiếp nhận Công văn số 1593/VPUBND-THVX, ngày 04/10/2022 của Văn phòng UBND Tỉnh, về việc tham mưu dự thảo Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW.

Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh như sau:

I. KẾT QUẢ 20 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 23-NQ/TW

1. Tình hình kinh tế - xã hội của địa phương; thuận lợi, khó khăn trong thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Trong bối cảnh chung có nhiều khó khăn mới phát sinh ngoài khả năng dự báo nhưng với sự nỗ lực đổi mới trong chỉ đạo, điều hành theo hướng ngày càng năng động của cả hệ thống chính trị, sự tin tưởng và chung sức của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong toàn Tỉnh nên việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đạt nhiều kết quả khả quan.

Kinh tế - xã hội của Tỉnh trong những năm qua phát triển khá, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân 20 năm (2003 - 2022) đạt khoảng **8,6%/năm** (theo giá so sánh năm 2010), khu vực nông - lâm - thủy sản tăng **5,28%**; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng **15,3%**; khu vực thương mại - dịch vụ tăng **10,37%**.

Đến cuối năm 2022, GRDP bình quân đầu người ước đạt **62,6** triệu đồng (tương đương **2.675 USD**), gấp **13,8 lần** so với năm 2003, gấp **1,8 lần** so năm 2015. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng đóng góp của khu vực 2 và khu vực 3⁽¹⁾, tạo động lực chuyển dịch cơ cấu lao động giảm dần tỷ lệ lao động trong khu vực nông - lâm - thủy sản còn dưới **50%**. Xuất khẩu đạt nhiều kết quả nổi bật, năm 2018 lần đầu tiên giá trị xuất khẩu đạt trên **01 tỷ USD**, năm 2022 giá trị xuất khẩu đạt khoảng **1,69** tỷ USD, gấp **15 lần** so năm 2003. Xã hội tiếp tục được duy trì ổn định, đời sống Nhân dân ngày càng được nâng cao, nhiều mô hình sản xuất mới được hình thành, thay đổi cơ bản về phát triển kinh tế nông

⁽¹⁾ Năm 2003, cơ cấu kinh tế: khu vực nông-lâm-thủy sản 55%; khu vực công nghiệp-xây dựng 13%; khu vực thương mại - dịch vụ 32%. Năm 2022: khu vực nông-lâm-thủy sản 34%; khu vực công nghiệp-xây dựng 21%; khu vực thương mại - dịch vụ 45%.

nghiệp, từng bước nâng cao thu nhập của người dân. Tỷ lệ hộ nghèo giảm đáng kể, năm 2003 tỷ lệ hộ nghèo của Tỉnh là trên 10% thì đến năm 2022 chỉ còn khoảng 2,73%.

2. Công tác chỉ đạo, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW.

Tiếp thu Nghị quyết số 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức triển khai, quán triệt đến cán bộ, đảng viên của đơn vị với tinh thần nghiêm túc, trách nhiệm; thường xuyên kiểm tra, giám sát trong quá trình lãnh đạo thực hiện. Đồng thời, lồng ghép việc cụ thể hóa vào các Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và từng giai đoạn năm năm của Tỉnh và các kế hoạch chuyên đề về doanh nghiệp, HTX, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của Tỉnh.

3. Kết quả chỉ đạo thực hiện chủ trương, giải pháp chủ yếu.

3.1. Phát triển các thành phần kinh tế trên địa bàn.

Môi trường kinh doanh là một trụ cột quan trọng của cải cách thể chế để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các thành phần kinh tế phát triển; đóng góp có ý nghĩa đối với phát triển kinh tế của địa phương và của quốc gia. Với tầm quan trọng đó, tỉnh Đồng Tháp luôn xác định cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên từ cấp tỉnh đến cơ sở. Đây là năm thứ 14 liên tiếp, tỉnh Đồng Tháp nằm trong nhóm 5 và năm thứ 08 liên tiếp nằm trong nhóm 3 của các tỉnh, thành phố “có chất lượng điều hành kinh tế xuất sắc nhất nước”. Đồng thời, tổ chức công bố kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành Tỉnh và địa phương thông qua Bộ chỉ số DDCI, kết quả từ năm 2018 đến nay, tổng điểm số trung vị ngày càng được cải thiện năm sau cao hơn năm trước, cho thấy doanh nghiệp ngày càng tin tưởng vào sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền tỉnh Đồng Tháp. Các thành phần kinh tế trên địa bàn Tỉnh không ngừng phát triển, đóng góp chung vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là khối doanh nghiệp tư nhân và HTX, cụ thể:

- Từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX “Về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân”, kinh tế tư nhân đã không ngừng phát triển, đóng góp ngày càng lớn hơn vào phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, số lượng doanh nghiệp thành lập mới ngày càng tăng nếu như năm 2003, số DN thành lập mới 187 DN với tổng vốn 181 tỷ đồng, thì đến năm 2022 ước đạt 690 DN, với tổng vốn đăng ký 4.940 tỷ đồng, gấp 3,7 lần so năm 2003⁽²⁾. Nâng tổng số DN hiện đang hoạt động là 4.700 DN, gấp 6,5 lần so năm 2003; số dự án FDI đang hoạt động của Tỉnh đến nay 25 dự án. Tỷ trọng đóng góp GRDP của khu vực kinh tế tư nhân từ dưới 10% đã tăng lên hơn 23%.

⁽²⁾ Theo đó, số doanh nghiệp thành lập mới giai đoạn 2016-2020 là 2.684 doanh nghiệp, tăng 26% so với giai đoạn 2011-2015. Vốn đầu tư trung bình giai đoạn 2016-2020 là 6,7 tỷ/doanh nghiệp tăng khoảng 49% so với giai đoạn 2011-2015 (4,2 tỷ/doanh nghiệp). Đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 4.582 doanh nghiệp thực tế đang hoạt động, tăng khoảng 53% so với năm 2015 (năm 2015 là 2.758 doanh nghiệp). Trong đó, doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm khoảng 97%.

- Triển khai Đề án 929 của Chính phủ, ngày 17/7/2012 về Phê duyệt đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty Nhà nước giai đoạn 2011 - 2015”; Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 3/6/2017, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; quá trình tái cơ cấu, sắp xếp, cổ phần hoá DNNN đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp có vốn nhà nước; thu gọn sự tham gia của DNNN, tạo đà cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội chung của Tỉnh. Đến nay, số lượng DNNN trên địa bàn tỉnh khoảng 11 DNNN, giảm 15 DNNN so năm 2003⁽³⁾.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể và Nghị quyết hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới. Nhất là kể từ khi Luật HTX năm 2012 có hiệu lực, tình hình phát triển HTX trên địa bàn Tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, cụ thể: phần lớn các HTX kinh doanh có lãi, trích lập được các quỹ, trả lương cho bộ máy quản lý, bảo toàn được vốn sản xuất - kinh doanh; tỷ trọng đóng góp GRDP của khu vực kinh tế tập thể từ dưới 0,6% đã tăng lên hơn 1%. Nâng số HTX đang hoạt động từ năm 2003 là hơn 40 HTX lên hơn 200 HTX vào năm 2022.

3.2. Liên kết vùng, các giải pháp phát triển đối với vùng kinh tế khó khăn.

Tỉnh đã tích cực liên kết, phối hợp giữa các địa phương trong phát triển kinh tế vùng, thực hiện các nhiệm vụ của thành viên Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2020 - 2025. Tham gia vào quá trình lập Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ngoài ra, phối hợp với các địa phương trong phát triển kinh tế vùng thông qua các liên kết hợp tác, phát triển⁽⁴⁾, nhằm thúc đẩy phát triển du lịch tỉnh Đồng Tháp nói riêng, du lịch vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung trên cơ sở liên kết, hợp tác với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, hình thành các tour liên vùng, liên kết phát triển du lịch tạo sự lan toả liên kết trên tất cả các lĩnh vực. Phối hợp với các tỉnh Long An và Tiền Giang thực hiện Đề án "*Liên kết phát triển bền vững tiểu vùng Đồng Tháp Mười đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*"⁽⁵⁾; triển khai thực hiện dự án "*Xây dựng tuyến ĐT.857 đoạn Quốc lộ 30 - ĐT.845*" kết nối, có tác động liên kết vùng theo tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH4 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, với tổng nguồn vốn 1.200 tỷ đồng do Trung ương hỗ trợ; đối với dự án "*Hạ tầng giao thông đường bộ khu vực Nam sông Tiền, tỉnh Đồng*

⁽³⁾ Số liệu niên giám thống kê qua các năm.

⁽⁴⁾ Liên kết giữa các tỉnh Đồng Tháp, An Giang, Bến Tre, Long An, Tiền Giang, thành phố Cần Thơ và Hiệp hội doanh nghiệp Australia tại Việt Nam (AUSCHAM); mạng lưới liên kết cấp vùng ABCD Mekong (An Giang - Bến Tre - Cần Thơ - Đồng Tháp); hợp tác, liên kết theo Thỏa thuận liên kết hợp tác phát triển du lịch giữa Thành phố Hồ Chí Minh và 13 tỉnh, thành Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2020 - 2025

⁽⁵⁾ Tờ trình số 59/TTr-UBND ngày 21/9/2018 đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, thẩm định Đề án.

Tháp" (*chương trình DPO*), Tỉnh đang rà soát quy hoạch, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện các đề xuất dự án để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Giai đoạn 2016 - 2020, Ủy ban nhân dân Tỉnh tập trung chỉ đạo các sở, ngành Tỉnh, UBND các huyện, thành phố ở biên giới triển khai thực hiện các mục tiêu Đề án Phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự 08 xã biên giới đến năm 2020 (*gọi tắt là Đề án*); triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, tạo việc làm và đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Cùng với việc triển khai thực hiện Kết luận số 27-KL/TU ngày 20/10/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khoá X về định hướng phát triển kinh tế - xã hội khu vực biên giới tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016 – 2020. Qua đó, nhiều nguồn lực được ưu tiên phát triển cho khu vực biên giới; hạ tầng được đẩy mạnh phát triển. Công tác giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với việc làm được tổ chức tốt, lao động tìm được việc làm tại địa phương và lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài ngày một nhiều, đây là động lực phát triển kinh tế - xã hội và góp phần giữ vững an ninh biên giới.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG.

1. Ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân.

1.1. Ưu điểm và nguyên nhân của ưu điểm.

Kinh tế của tỉnh tiếp tục duy trì tăng trưởng trong điều kiện có nhiều khó khăn mới phát sinh ngoài khả năng dự báo, đời sống của người dân được nâng cao, bộ mặt nông thôn ngày càng thay đổi theo hướng văn minh, hiện đại.

Các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh đóng góp ngày càng tăng vào GRDP của Tỉnh.

Nguyên nhân chủ yếu do:

Sự quyết tâm và đồng thuận cao của nhân dân toàn tỉnh. Bên cạnh đó, sự nỗ lực, phấn đấu của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và dân cư cùng chung sức thực hiện bằng các giải pháp đồng bộ, khả thi để vượt qua khó khăn, thách thức, duy trì phát triển và sự hỗ trợ kịp thời, hiệu quả của Trung ương.

Sự đoàn kết, thống nhất cao, sự phấn đấu vươn lên của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ngày càng đủ sức đảm đương công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng và an ninh trong tình hình luôn có những diễn biến bất thường, thách thức mới, với yêu cầu luôn tăng cao cả về khối lượng và chất lượng của công việc nhằm đáp ứng kịp thời theo yêu cầu của tình hình mới. Bên cạnh đó là sự giám sát có hiệu quả của Hội đồng nhân dân tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các thành viên của Mặt trận Tổ quốc.

1.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế 10 giai đoạn 2013-2022 (đạt khoảng 5,59%) có xu hướng chậm lại so 10 năm giai đoạn 2003-2012 (đạt 11,75%), tính bền vững

chưa cao; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, nhất là khu vực công nghiệp – xây dựng trong 20 năm chỉ tăng 9%.

- Quy mô và số lượng các thành phần kinh tế phát triển chưa tương xứng tiềm năng của Tỉnh, nhất là các DN và HTX quy mô nhỏ và vừa là chủ yếu, với mức đóng góp vào tăng trưởng kinh tế có sự chuyển biến qua các năm vẫn còn chậm và thấp; số dự án FDI thu hút trên địa bàn tỉnh còn thấp, chưa có dự án quy mô lớn mang tính đột phá.

Nguyên nhân chủ yếu do:

Một số giải pháp thực hiện chưa mang tính dài hạn, chưa tạo ra đột phá và bền vững cho tăng trưởng kinh tế của Tỉnh.

Kinh tế thế giới rơi vào khủng hoảng, đặc biệt trong hai năm 2009 và 2010 đã ảnh hưởng lớn đến thu hút đầu tư và thị trường xuất khẩu nhóm mặt hàng chủ lực của tỉnh, lạm phát xảy ra tác động lớn đến giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất và tiêu dùng.

Tình hình thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu toàn cầu đã ảnh hưởng tiêu cực đến kế hoạch thực hiện: Đầu năm 2020, đại dịch Covid-19 xảy ra trên toàn thế giới kéo dài đến nay; các vấn đề về sử dụng nguồn nước trên lưu vực sông Mê Kông gây ra hiện tượng lũ thất thường, sạt lở bờ sông đã tác động xấu đến sản xuất nông nghiệp, đời sống người dân và hạn chế tính hiệu quả của các giải pháp trong phát triển nông nghiệp.

Tác động chung từ các biến động, bất ổn của kinh tế thế giới, xu hướng bảo hộ thương mại, sản xuất, các tiêu chuẩn từ các thị trường nhập khẩu đòi hỏi ngày càng cao, đặt ra yêu cầu về truy xuất nguồn gốc sản phẩm,... trong khi doanh nghiệp, người dân chưa tiếp cận thông tin đầy đủ, kịp thời để điều chỉnh sản xuất và kinh doanh.

Quy mô nguồn vốn đầu tư phát triển của địa phương chưa lớn và khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách còn hạn chế. Vốn đầu tư cho phát triển của tỉnh chưa đủ sức cân đối theo nhu cầu tư cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng ngày càng tăng cao, cùng với kết quả thực hiện các công trình đầu tư của Trung ương trên địa bàn chậm so với kế hoạch. Do vậy, tuy hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh có phát triển, nhưng còn yếu kém và chưa đồng bộ.

2. Bài học kinh nghiệm.

Toàn Đảng, dân, quân trong tỉnh, nhất là Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh đã phát huy tốt tinh thần đoàn kết, thống nhất cao góp thành một tiếng nói, một hành động chung tạo nên sức mạnh và quyết tâm chính trị để thực hiện đạt mức cao nhất các chỉ tiêu Nghị quyết qua các lần Đại hội Đảng bộ Tỉnh đã đề ra. Quan hệ đoàn kết quốc tế với các quốc gia trong khu vực Châu Á và trên thế giới nhất là giữ vững mối quan hệ với nước bạn Campuchia đã mở ra nhiều cơ hội trao đổi, làm ăn..., trọng tâm là với tỉnh Preyveng trên tinh thần hợp tác, hữu nghị, góp phần ổn định trên toàn tuyến biên giới, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Tập trung làm tốt công tác vận động quần chúng, thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội, tăng cường kỷ luật, kỷ cương và phối hợp chặt chẽ các tổ chức trong hệ thống chính trị để triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU.

1. Những thuận lợi , khó khăn tình hình quốc tế , trong nước và địa phương tác động đến việc phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời gian tới

a) Những thuận lợi:

- Môi trường đầu tư, kinh doanh của địa phương được cải thiện đáng kể; quan hệ hợp tác, liên kết phát triển của địa phương với các đối tác đầu tư trong và ngoài nước đang trên đà mở rộng, tạo ra nhiều triển vọng mới, nhất là với các đối tác Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hà Lan, Đài Loan, Trung Quốc,...

- Với định hướng liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long, vùng Đồng Tháp Mười... sẽ tạo cơ hội cho việc tổ chức sản xuất theo chuỗi sản phẩm mang tính chất vùng, hạ tầng giao thông vùng sẽ phát triển đồng bộ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của Tỉnh.

- Cùng với việc hội nhập quốc tế sâu rộng, nhất là các Hiệp định song phương, Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do (EVFTA) và Hiệp định bảo hộ đầu tư (IPA) giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) và một số đối tác khác sẽ mở ra những thuận lợi, cơ hội lớn để đẩy mạnh xuất khẩu nhiều mặt hàng (*da giày, dệt may, thủy sản chế biến, gạo,...*), tham gia gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Những công nghệ và luồng đầu tư mới sẽ ngày càng mạnh mẽ; cuộc cách mạng về khoa học - công nghệ đang diễn ra trên thế giới, đặc biệt trong lĩnh vực điện tử, tin học, công nghệ sinh học... sẽ là cơ hội để Đồng Tháp tiếp nhận những công nghệ mới, thúc đẩy đổi mới trong doanh nghiệp nhằm tăng hiệu quả sản xuất và sự cạnh tranh của sản phẩm.

b) Những khó khăn:

- Tác động của biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét, bất thường, kèm theo thiên tai, dịch bệnh, nhất là ảnh hưởng toàn cầu của dịch Covid-19, tình trạng sạt lở bờ sông có khả năng tăng lên... là những thách thức gây những khó khăn lớn cho phát triển sản xuất và đời sống người dân, tác động đến lòng tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ của một bộ phận nhân dân chưa vững chắc

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, các vấn đề an ninh phi truyền thống dễ gây tác động tư tưởng một bộ phận người dân dễ bị lôi kéo, kích động gây mất đoàn kết, gây bạo loạn.

2. Kiến nghị một số nhiệm vụ, giải pháp.

Tiếp tục phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế góp phần lớn vào động lực tăng trưởng của Tỉnh, nhất là khu vực DN tư nhân⁽⁶⁾ và HTX, lấy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân là nhiệm vụ trung tâm; gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái trong từng bước phát triển; đẩy mạnh xoá đói, giảm nghèo, khuyến khích làm giàu chính đáng. Quan tâm phát triển vùng kinh tế khó khăn ở biên giới⁽⁷⁾, tạo việc làm người dân biên giới tại chỗ, ổn định dân cư biên giới gắn với đảm bảo quốc phòng – an ninh.

Gìn giữ và phát huy văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc; xây dựng nền văn hóa và con người Đồng Tháp nghĩa tình, năng động, sáng tạo được xem là nhiệm vụ cấp bách, có vị trí, vai trò hết sức quan trọng trong sự hoàn thiện nhân cách cá nhân, sự vững chắc của cộng đồng, sự đoàn kết dân tộc⁽⁸⁾. Từ đó góp phần quan trọng vào sự phát triển của tỉnh nhà.

Phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương; đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đặc quyền, đặc lợi; thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", coi trọng vai trò của nhân dân trong đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Sở Nội vụ xem xét, tổng hợp chung./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BLĐ Sở;
- Lưu VT, TH.

GIÁM ĐỐC

Trương Hòa Châu

⁽⁶⁾ Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 30/9/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khoá XI về phát triển doanh nghiệp và thúc đẩy khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2021 – 2025.

⁽⁷⁾ Kết luận số 245-KL/TU, ngày 23/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khoá XI về phát triển kinh tế - xã hội khu vực biên giới tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2021 – 2025.

⁽⁸⁾ Nghị quyết 06-NQ/TU, ngày 31/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XI về xây dựng văn hoá và con người Đồng Tháp nghĩa tình, năng động, sáng tạo.